

Số: 137/2019/QĐST-HNGĐ

Liên Chiểu, ngày 17 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ vào Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11 tháng 10 năm 2018 của
Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn do Trung tâm hòa giải - đối thoại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng lập ngày 09 tháng 7 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 240/2019/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **Hồ Hà Đ** - Sinh năm: 1975. Địa chỉ: K141 đường N, tổ 05, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Bà **Trần Thị Ánh T** - Sinh năm: 1972. Địa chỉ: K141 đường N, tổ 05, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Hà Đ và bà Trần Thị Ánh T xây dựng gia đình vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Bình, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau. Ông Đ, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Hồ Hà Đ và bà Trần Thị Ánh T xác định có 02 con chung tên: Hồ Trần Minh P – Sinh ngày 21/6/2003 và Hồ Minh T - Sinh ngày

26/4/2008 . Ông Đ, bà T thỏa thuận về việc nuôi 02 con chung như sau: Bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Hồ Trần Minh P – Sinh ngày 21/6/2003 và Hồ Minh T - Sinh ngày 26/4/2008. Ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con 2.000.000 đồng) cho đến khi 02 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi 02 con kể từ tháng 8/2019 và vào ngày 15 hàng tháng.

[3] Về tài sản chung: Ông Hồ Hà Đ và bà Trần Thị Ánh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Hồ Hà Đ và bà Trần Thị Ánh T xác định không có.

Xét thấy: Ông Hồ Hà Đ và bà Trần Thị Ánh T quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Việc ông bà xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của Ông Đ, bà T về việc yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn".

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Hà Đ và bà Trần Thị Ánh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 1 ngày 14/5/2001 của Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Hồ Hà Đ và bà Trần Thị Ánh T về việc nuôi con chung như sau: Bà Trần Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Hồ Trần Minh P - Sinh ngày 21/6/2003 và Hồ Minh T - Sinh ngày 26/4/2008. Ông Hồ Hà Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con 2.000.000 đồng) cho đến khi 02 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi 02 con kể từ tháng 8/2019 và vào ngày 15 hàng tháng.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Hồ Hà Đ và bà Trần Thị Ánh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Hồ Hà Đ và bà Trần Thị Ánh T xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí HNGĐ-ST 300.000 đồng ông Hồ Hà Đ và bà Trần Thị Ánh T chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí HNGĐ-ST 300.000 đồng mà Ông Đ, bà T đã nộp theo biên lai thu số 0006289 ngày 09/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông Hồ Hà Đ và bà Trần Thị Ánh T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CCTHADS quận Liên Chiểu;
- UBND P. Thanh Bình,
Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Cúc